

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC DUY TÂN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1.443./TB-ĐHDT

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Quy định chuẩn trình độ ngoại ngữ trong đào tạo Sau đại học

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài,

Đại học Duy Tân thông báo về quy định chuẩn trình độ ngoại ngữ trong đào tạo Sau đại học, cụ thể cụ thể sau:

1. Chuẩn đầu vào tuyển sinh trình độ thạc sĩ: tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển. Chuẩn đầu ra đào tạo trình độ thạc sĩ: tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký xét công nhận đạt chuẩn.

2. Chuẩn đầu vào tuyển sinh trình độ tiến sĩ: tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

3. Văn bằng, chứng chỉ được công nhận đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ:

a. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ Tiếng Anh; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình học được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ Tiếng Anh.

b. Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam như *Phụ lục kèm theo*.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, Ban SDH.



TS. Võ Thanh Hải

PHỤ LỤC

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ

(Ban hành kèm theo Thông báo số 1413/TB-ĐHDT ngày 26 / 8 /2026 của Giám đốc Đại học Duy Tân)

TT	Ngôn ngữ	Văn bằng /Chứng chỉ	Trình độ / Thang điểm		
			Chuẩn đầu vào thạc sĩ Tương đương Bậc 3	Chuẩn đầu ra thạc sĩ Tương đương Bậc 4	Chuẩn đầu vào tiến sĩ Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	-	-
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179	-
		Aptis ESOL	B1	B2	B2
		PTE Academic	43-58	59-75	59-75
		PEIC	Level 2	Level 3	Level 3
		VEPT	43-66	Chưa có quy đổi	Chưa có quy đổi
		OTE	81-110	111-140	111-140
		OTE Advance	-	111-140	111-140
		LANGUAGECERT International ESOL	B1 Achiever	B2 Communicator	B2 Communicator
		LANGUAGECERT Academic	40-59	60-74	60-74
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance Francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2	Goethe - Zertifikat B2 trở lên

TT	Ngôn ngữ	Văn bằng / Chứng chỉ	Trình độ / Thang điểm		
			Chuẩn đầu vào thạc sĩ Tương đương Bậc 3	Chuẩn đầu ra thạc sĩ Tương đương Bậc 4	Chuẩn đầu vào tiến sĩ Tương đương Bậc 4
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo KNL ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 3 trở lên	Từ bậc 4 trở lên	Từ bậc 4 trở lên

***Ghi chú:**

- Chỉ chấp nhận chứng chỉ được cấp bởi các đơn vị được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài tại Việt Nam và các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (công bố chính thức trên Website của Cục Quản lý Chất lượng).

- Chỉ chấp nhận chứng chỉ khi có Quyết định của Bộ GD&ĐT về việc công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh tương đương với các bậc của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

- Chỉ chấp nhận Chứng chỉ Aptis ESOL International Certificate cấp sau ngày 31/3/2023 theo Quyết định số 925/QĐ-BGDĐT ngày 31/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Không chấp nhận Chứng chỉ TOEFL IBT phiên bản Home Edition cấp sau ngày 09/09/2022 theo Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chỉ chấp nhận Chứng chỉ Versant English Placement Test (VEPT) cấp sau ngày 15/01/2026 theo Quyết định số 58/QĐ-BGDĐT ngày 15/01/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chỉ chấp nhận Chứng chỉ Oxford Test of English (OTE) và Oxford Test of English Advanced (OTE Advanced) cấp sau ngày 29/5/2026 theo Quyết định số 1429/QĐ-BGDĐT ngày 29/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chỉ chấp nhận Chứng chỉ tiếng Anh LANGUAGECERT International ESOL và Khung thang điểm LANGUAGECERT Academic cấp sau ngày 29/5/2026 theo Quyết định số 1430/QĐ-BGDĐT ngày 29/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.